

14. TƯƠNG ỨNG GIỚI (DHĀTUSAMĪYUTTA)

I. PHẨM SAI BIỆT (NĀNATTAVAGGA)

PHẦN MỘT: NĂM KINH NỘI GIỚI¹

I. KINH GIỚI SAI BIỆT (*Dhātunānattasutta*)² (S. II. 140)

85. Trú ở Sāvattihi...

– Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông giới sai biệt. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

II. KINH XÚC SAI BIỆT (*Phassanānattasutta*)³ (S. II. 140)

86. Trú ở Sāvattihi...

– Nay các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, nay các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; do duyên thiệt giới,

¹ Bản tiếng Anh của PTS xếp 5 kinh từ 85-89 trong nhóm 1 (a) *Five (Discourses on) Internal Element*, nghĩa là *Năm kinh Nội giới*.

² Bản tiếng Anh của PTS: *Element*, nghĩa là *Giới*. Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.451. 0115c27).

³ Bản tiếng Anh của PTS: *Touching*, nghĩa là *Xúc*. Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.452. 0116a05); *Tạp. 雜* (T.02. 0099.453. 0116a22).

thiệt xúc sanh khởi; do duyên thân giới, thân xúc sanh khởi; do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi.

III. KINH KHÔNG PHẢI XÚC SAI BIỆT

(*Nophassanānattasutta*)⁴ (S. II. 141)

87. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; không phải do duyên nhĩ xúc, nhĩ giới sanh khởi. Do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; không phải do duyên tỷ xúc, tỷ giới sanh khởi. Do duyên thiệt giới, thiệt xúc sanh khởi; không phải do duyên thiệt xúc, thiệt giới sanh khởi. Do duyên thân giới, thân xúc sanh khởi; không phải do duyên thân xúc, thân giới sanh khởi. Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

IV. KINH THỌ SAI BIỆT (*Vedanānānattasutta*)⁵ (S. II. 141)

88. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt?

Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; do duyên nhãn xúc, thọ do nhãn xúc sanh sanh khởi. Do duyên nhĩ giới, nhĩ xúc sanh khởi; do duyên nhĩ xúc, thọ do nhĩ xúc sanh sanh khởi. Do duyên tỷ giới, tỷ xúc sanh khởi; do duyên tỷ xúc, thọ do tỷ xúc sanh sanh khởi. Do duyên thiệt giới, thiệt xúc sanh khởi; do duyên thiệt xúc, thọ do thiệt xúc sanh sanh khởi. Do duyên

⁴ Bản tiếng Anh của PTS: *And Not in This Way*, nghĩa là *Và không phải như vậy*.

⁵ Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Feeling*, nghĩa là *Thọ*.

thân giới, thân xúc sanh khởi; do duyên thân xúc, thọ do thân xúc sanh sanh khởi. Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; do duyên ý xúc, thọ do ý xúc sanh sanh khởi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi.

V. KINH THỌ SAI BIỆT THỨ HAI (*Dutiyavedanānānattasutta*) (S. II. 142)

89. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

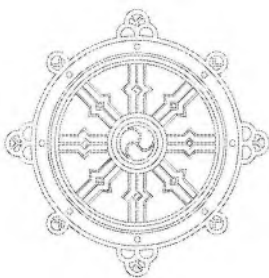
Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới, này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên nhãn giới, nhãn xúc sanh khởi; do duyên nhãn xúc, thọ do nhãn xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do nhãn xúc sanh, nhãn xúc sanh khởi; không phải do duyên nhãn xúc, nhãn giới sanh khởi...

Do duyên ý giới, ý xúc sanh khởi; do duyên ý xúc, thọ do ý xúc sanh sanh khởi. Không phải do duyên thọ do ý xúc sanh, ý xúc sanh khởi; không phải do duyên ý xúc, ý giới sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.



PHẦN HAI: NĂM KINH NGOẠI GIỚI⁶

VI. KINH NGOẠI GIỚI SAI BIỆT (*Bāhiradhātunānattasutta*)⁷ (S. II. 143)

90. Trú ở Sāvattihi...

– Nay các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về giới sai biệt. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

VII. KINH TƯỚNG SAI BIỆT (*Saññānānattasutta*)⁸ (S. II. 143)

91. Trú ở Sāvattihi...

– Nay các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi. Do duyên tướng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

Và nay các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Nay các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và như thế nào, nay các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi? Do duyên tướng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi? Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi? Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi? Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tướng sanh khởi. Do duyên sắc tướng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi...

Này các Tỷ-kheo, do duyên pháp giới, pháp tướng sanh khởi. Do duyên pháp tướng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi.

⁶ Bản tiếng Anh của PTS xếp 5 kinh từ 90-94 trong nhóm 1 (b). *Five (Discourses on) External Element*, nghĩa là *Năm kinh Ngoại giới*.

⁷ Bản tiếng Anh của PTS: *Element*, nghĩa là *Giới*.

⁸ Bản tiếng Anh của PTS: *Perception*, nghĩa là *Tướng*. Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.454-455. 0116b06-14).

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi. Do duyên tướng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

VIII. KINH KHÔNG PHẢI TẦM CẦU SAI BIỆT (*Nopariyesanānānattasutta*)⁹ (S. II. 144)

92. Trú ở Sāvatti...

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi. Do duyên tướng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi.

Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tướng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi; do duyên tướng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi? Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tướng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tướng sanh khởi; do duyên sắc tướng, sắc tư duy sanh khởi; do duyên sắc tư duy, sắc dục sanh khởi; do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi; do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi. Không phải do duyên sắc tầm cầu, sắc nhiệt tình sanh khởi; không phải do duyên sắc nhiệt tình, sắc dục sanh khởi; không phải do duyên sắc dục, sắc tư duy sanh khởi; không phải do duyên sắc tư duy, sắc tướng sanh khởi; không phải do duyên sắc tướng, sắc giới sanh khởi.

Do duyên thanh giới...

Do duyên hương giới...

Do duyên vị giới...

Do duyên xúc giới...

Do duyên pháp giới, pháp tướng sanh khởi; do duyên pháp tướng, pháp tư duy sanh khởi; do duyên pháp tư duy, pháp dục sanh khởi; do duyên pháp dục,

⁹ Bản tiếng Anh của PTS: *And Not in This Way*, nghĩa là *Và không phải như vậy*.

pháp nhiệt tình sanh khởi; do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sanh khởi. Không phải do duyên pháp tầm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi; không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi; không phải do duyên pháp dục, pháp tư duy sanh khởi; không phải do duyên pháp tư duy, pháp tưởng sanh khởi; không phải do duyên pháp tưởng, pháp giới sanh khởi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

IX. KINH NGOẠI XÚC SAI BIỆT

(*Bāhiraphassanānattasutta*)¹⁰ (S. II. 146)

93. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi. Do duyên xúc sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi. Do duyên thọ sai biệt, dục sai biệt sanh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Do duyên tầm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi? Do duyên tưởng sai biệt... sở đắc sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sanh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sanh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc xúc sanh khởi. Do duyên sắc xúc, thọ do sắc xúc sanh khởi. Do duyên thọ do sắc xúc sanh, sắc dục sanh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sanh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sanh khởi. Do duyên sắc tầm cầu, sắc sở đắc sanh khởi.

Do duyên thanh giới...

Do duyên hương giới...

Do duyên vị giới...

Do duyên xúc giới...

Do duyên pháp giới, pháp tưởng sanh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sanh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp xúc sanh khởi. Do duyên pháp xúc, thọ do pháp xúc sanh khởi. Do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp dục sanh

¹⁰ Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Contact*, nghĩa là *Xúc*.

khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sanh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tâm cầu sanh khởi. Do duyên pháp tâm cầu, pháp sở đắc sanh khởi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi. Do duyên tướng sai biệt... tâm cầu sai biệt sanh khởi. Do duyên tâm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi.

X. KINH NGOẠI XÚC SAI BIỆT THỨ HAI (*Dutiyabāhiraphassanānattasuta*) (S. II. 147)

94. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi; do duyên tướng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... do duyên tâm cầu sai biệt, sở đắc sai biệt sanh khởi. Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tâm cầu sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tâm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt... dục... thọ... xúc... tư duy... tướng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tướng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là giới sai biệt? Sắc giới... pháp giới. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi; do duyên tướng sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tâm cầu... sở đắc...? Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tâm cầu sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tâm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi... dục... thọ... xúc...; không phải do duyên tư duy sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tướng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi?

Này các Tỷ-kheo, do duyên sắc giới, sắc tướng sanh khởi...

Do duyên thanh giới...

Do duyên hương giới...

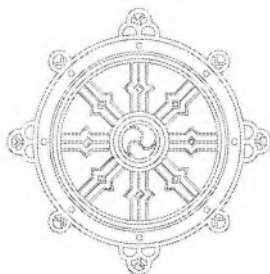
Do duyên vị giới...

Do duyên xúc giới...

Do duyên pháp giới, pháp tướng sanh khởi; do duyên pháp tướng... pháp tâm cầu sanh khởi; do duyên pháp tâm cầu, pháp sở đắc sanh khởi. Không phải do duyên pháp sở đắc, pháp tâm cầu sanh khởi; không phải do duyên pháp tâm cầu, pháp nhiệt tình sanh khởi; không phải do duyên pháp nhiệt tình, pháp dục sanh khởi; không phải do duyên pháp dục, thọ do pháp xúc sanh khởi; không phải do duyên thọ do pháp xúc sanh, pháp xúc sanh khởi; không phải do duyên pháp xúc, pháp tư duy sanh khởi; không phải do duyên pháp tư duy, pháp tướng sanh khởi; không phải do duyên pháp tướng, pháp giới sanh khởi.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do duyên giới sai biệt, tướng sai biệt sanh khởi; do duyên tướng sai biệt... tư duy... xúc... thọ... dục... nhiệt tình... tâm cầu... sở đắc... Không phải do duyên sở đắc sai biệt, tâm cầu sai biệt sanh khởi; không

phải do duyên tâm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sanh khởi; không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sanh khởi; không phải do dục sai biệt, thọ sai biệt sanh khởi; không phải do duyên thọ sai biệt, xúc sai biệt sanh khởi; không phải do duyên xúc sai biệt, tư duy sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sanh khởi; không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sanh khởi.



II. PHẨM THỨ HAI (*DUTTIYAVAGGA*)

I. KINH BẢY GIỚI (*Sattadhātusutta*)¹¹ (S. II. 149)

95. Trú ở Sāvatthi...

– Nay các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

Thế nào là bảy? Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tướng phi phi tướng xứ giới, Diệt thọ tướng giới.

Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

Khi được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tướng phi phi tướng xứ giới và Diệt thọ tướng giới, bạch Thế Tôn, những giới này do duyên cái gì được hiển lộ?

– Nay các Tỷ-kheo, Quang giới này, do duyên u ám, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Tịnh giới này, do duyên bất tịnh, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Không vô biên xứ giới này, do duyên sắc, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Thức vô biên xứ giới này, do duyên Không vô biên xứ, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Vô sở hữu xứ giới này, do duyên Thức vô biên xứ, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Phi tướng phi phi tướng xứ giới này, do duyên Vô sở hữu xứ, giới này được hiển lộ.

Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tướng giới này, do duyên diệt, giới này được hiển lộ.

– Bạch Thế Tôn, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tướng phi phi tướng xứ giới, và Diệt thọ tướng giới, bạch Thế Tôn, bảy giới này thiên chứng (*samāpatti*) như thế nào?

– Nay các Tỷ-kheo, Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, những giới này lấy tướng thiên chứng (*saññāsamāpatti*) được chứng đắc.

Này các Tỷ-kheo, Phi tướng phi phi tướng xứ giới này lấy hành hữu dư thiên chứng được chứng đắc.

¹¹ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.456. 0116c12). Bản tiếng Anh của PTS: *These Seven*, nghĩa là *Bảy pháp*.

Này các Tỷ-kheo, Diệt thọ tướng giới này lấy diệt đẳng nhập được chứng đắc.

II. KINH CÓ NHÂN (*Sanidānasutta*)¹² (S. II. 151)

96. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, có nhân, dục tâm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, sân tâm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, hại tâm sanh khởi, không phải không nhân.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, có nhân, dục tâm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, sân tâm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, hại tâm sanh khởi, không phải không nhân?

Này các Tỷ-kheo, do duyên dục giới, dục tướng sanh khởi; do duyên dục tướng, dục tư duy sanh khởi; do duyên dục tư duy, dục dục¹³ sanh khởi; do duyên dục dục, dục nhiệt tình sanh khởi; do duyên dục nhiệt tình, dục tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu dục tầm cầu, kẻ vô văn phạm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Này các Tỷ-kheo, do duyên sân giới, sân tướng sanh khởi; do duyên sân tướng, sân tư duy sanh khởi... sân dục... sân nhiệt tình... sân tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu sân tầm cầu, kẻ vô văn phạm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Này các Tỷ-kheo, do duyên hại giới, hại tướng sanh khởi... hại tư duy... hại dục... hại nhiệt tình... hại tầm cầu sanh khởi. Này các Tỷ-kheo, do tầm cầu hại tầm cầu, kẻ vô văn phạm phu thực hành tà hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người ném một bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Nếu người ấy không dập tắt gấp với tay và chân, như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và củi sẽ gặp bất hạnh và tai họa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với tướng bất chánh khởi lên, không gấp từ bỏ, nhiếp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong hiện tại trú trong đau khổ, với phiền lao, với sầu não, với nhiệt não; và sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ác thú.

Này các Tỷ-kheo, có nhân, xuất ly tâm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, vô sân tâm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, bất hại tâm sanh khởi, không phải không nhân.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào, có nhân, xuất ly tâm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, vô sân tâm sanh khởi, không phải không nhân; có nhân, bất hại tâm sanh khởi, không phải không nhân?

Này các Tỷ-kheo, do duyên xuất ly giới, xuất ly tướng sanh khởi; do duyên xuất ly tướng, xuất ly tư duy sanh khởi; do duyên xuất ly tư duy, xuất

¹² Tham chiếu: *Tap. 雜.* (T.02. 0099.449. 0115c06); *Tap A-hàm kinh 雜阿含經* (T.02. 0101.20. 0497c13); *Phật thuyết Tương ưng tương khả kinh 佛說相應相可經* (T.02. 0111. 0504b26).

¹³ *Kāmacchanda. Kāma* (dục) có liên hệ đến các căn. *Chanda* (dục) không liên hệ đến các căn.

ly dục (*chanda*) sanh khởi; do duyên xuất ly dục, xuất ly nhiệt não sanh khởi; do duyên xuất ly nhiệt não, xuất ly tầm cầu sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, do tầm cầu xuất ly tầm cầu, vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Này các Tỷ-kheo, do duyên vô sân giới, vô sân tưởng sanh khởi; do duyên vô sân tưởng, vô sân tư duy sanh khởi... vô sân dục... vô sân nhiệt tình... vô sân tầm cầu sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, do tầm cầu vô sân tầm cầu, vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Này các Tỷ-kheo, do duyên bất hại giới, bất hại tưởng sanh khởi; do duyên bất hại tưởng, bất hại tư duy sanh khởi; do duyên bất hại tư duy, bất hại dục sanh khởi; do duyên bất hại dục, bất hại nhiệt tình sanh khởi; do duyên bất hại nhiệt tình, bất hại tầm cầu sanh khởi. Nay các Tỷ-kheo, do duyên tầm cầu bất hại tầm cầu, vị đa văn Thánh đệ tử thực hành chánh hạnh theo ba xứ: Thân, ngữ, ý.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người ném một bó đuốc bằng cỏ cháy đỏ vào một rừng cỏ khô. Người ấy với tay và chân dập tắt gấp bó đuốc ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các sanh loại sống nương vào cỏ và củi sẽ không gặp bất hạnh và tai họa.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với tướng bất chánh khởi lên, gấp từ bỏ, nhiếp phục, chấm dứt, tiêu diệt; vị ấy ngay trong hiện tại trú trong an lạc, không có phiền lao, không có sầu não, không có nhiệt não; sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú.

III. KINH CĂN NHÀ BẰNG GẠCH (*Giñjakāvasathasutta*)¹⁴ (S. II. 153)

97. Một thời, Thế Tôn trú ở Nātika, tại căn nhà bằng gạch.

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, do duyên giới, tướng sanh khởi, kiến sanh khởi, tầm sanh khởi.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Saddha Kaccāna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, kiến này giữa những vị không Chánh đẳng Chánh giác, có vị Chánh đẳng chánh giác; bạch Thế Tôn, kiến này do duyên gì được hiển lộ?

– Lớn thay! Này Kaccāna, là giới này, tức là vô minh giới.

Này Kaccāna, do duyên liệt (*hīna*) giới, liệt tướng, liệt kiến, liệt tầm, liệt tư (*cetanā*), liệt hy vọng (*patthanā*), liệt ước nguyện, liệt nhân (*puggala*), liệt ngữ sanh khởi; liệt là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng,

¹⁴ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.457. 0117a03).

vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói rằng liệt là sự thọ sanh (*uppatti*) của vị ấy.

Này Kaccāna, do duyên trung giới, trung tưởng, trung kiến, trung tâm, trung tư, trung hy vọng, trung ước nguyện, trung nhân, trung ngữ sanh khởi; trung là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói rằng trung là sự thọ sanh của vị ấy.

Này Kaccāna, do duyên thắng giới, thắng tưởng, thắng kiến, thắng tâm, thắng tư, thắng hy vọng, thắng ước nguyện, thắng nhân, thắng ngữ sanh khởi; thắng là điều vị ấy nói, vị ấy thuyết, vị ấy trình bày, vị ấy đề xướng, vị ấy hiển thị, vị ấy phân biệt, vị ấy tuyên thị; Ta nói rằng thắng là sự thọ sanh của vị ấy.

IV. KINH LIỆT Ý CHÍ (*Hīnādhimuttikasutta*)¹⁵ (S. II. 154)

98. Trú ở Sāvatti...

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, đã cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, sẽ cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

V. KINH ĐI CÙNG NHAU (*Caṅkamasutta*)¹⁶ (S. II. 155)

99. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thú).

Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Tôn giả Mahāmoggallāna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Tôn giả Mahākassapa cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

¹⁵ *Adhimutti*: Ý chí, thắng giải, xu hướng. Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.445. 0115a05).

¹⁶ Tham chiếu: *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.447. 0115a24); *Tăng. 增* (T.02. 0125.49.3. 0795b20).

Tôn giả Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Tôn giả Punṇa Mantāniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Tôn giả Upāli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Tôn giả Ānanda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Sāriputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Đại Trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Moggallāna cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Đại Thần thông.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Kassapa cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy chủ trương hạnh Đầu-đà.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Anuruddha cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc có Thiên nhãn.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Punṇa Mantāniputta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Thuyết pháp.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Upāli cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Trì luật.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Ānanda cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là bậc Đa văn.

Này các Tỷ-kheo, các ông có thấy Devadatta cùng với một số đông Tỷ-kheo đang đi kinh hành?

– Thưa có, bạch Thế Tôn.

– Nay các Tỷ-kheo, tất cả Tỷ-kheo ấy là ác dục.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

VI. KINH CÓ KỆ (*Sagāthāsutta*)¹⁷ (S. II. 157)

100. Trú ở Sāvatti...

– Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, phần cùng hòa hợp, cùng đi với phần; nước tiểu cùng hòa hợp, cùng đi với nước tiểu; nước miếng cùng hòa hợp, cùng đi với nước miếng; mủ cùng hòa hợp, cùng đi với mủ; máu cùng hòa hợp, cùng đi

¹⁷ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.446. 0115a12); *Tap. 雜* (T.02. 0099.448. 0115b24).

với máu. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Các chúng sanh liệt ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh liệt ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí đã cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, sữa cùng hòa hợp, cùng đi với sữa; dầu cùng hòa hợp, cùng đi với dầu; thực tô cùng hòa hợp, cùng đi với thực tô; mật ong cùng hòa hợp, cùng đi với mật ong; mật mía cùng hòa hợp, cùng đi với mật mía. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau. Chúng sanh thiện ý chí cùng hòa hợp, cùng đi với chúng sanh thiện ý chí.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Liên lạc, dục tình sanh,
Liên lạc, không được đoạn,
Như leo tám ván nhỏ,
Bị chìm giữa sóng lớn.
Cũng vậy, đến kẻ nhác,
Kẻ sống thiện cũng chìm.
Do vậy hãy tránh xa,
Kẻ nhác, không tinh tấn.

Hãy cộng trú bậc Hiền,
Bậc Thánh sống viễn ly,
Thường siêng năng tinh tấn,
Tinh cần tu thiền tịnh.

VII. KINH HÒA HỢP VỚI KẺ BẤT TÍN (*Assaddhasamsandanasutta*)¹⁸ (S. II. 159)

101. Trú ở Sāvatthi...

– Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín đã cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn đã cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ đã cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín. Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ tội lỗi.

¹⁸ Bản tiếng Anh của PTS: *Unbelievers*, nghĩa là *Những kẻ bất tín*.

Kẻ nghe nhiều cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nghe nhiều. Kẻ tinh cần cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tinh cần. Kẻ trì niệm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín; kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

VIII. KINH BẮT ĐẦU BẰNG KẺ BẤT TÍN

(*Assaddhamūlakasutta*)¹⁹ (S. II. 160)

102. Trú tại Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ. Kẻ tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tín. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời quá khứ, các chúng sanh đã cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời vị lai, các chúng sanh sẽ cùng hòa hợp, cùng đi với nhau...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới thời hiện tại, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín... với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn... với kẻ không biết thẹn. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ biết sợ... với kẻ biết sợ. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại... Như vậy, điều thứ nhất cần phải hiểu rộng.

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới...

¹⁹ Bản tiếng Anh của PTS: *The Five Based on 'Unbelievers'*, nghĩa là Năm trường hợp liên hệ kẻ bất tín.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới...

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

Này các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới...

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín... với kẻ có tín. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

IX. KINH BẮT ĐẦU BẰNG KẺ KHÔNG BIẾT THEN (*Ahīrikamūlakasutta*)²⁰ (S. II. 162)

103. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, tùy theo giới...

Kẻ không biết then cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết then. Kẻ không biết sợ tội lỗi... với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết then... với kẻ biết then. Kẻ biết sợ tội lỗi... với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

Kẻ không biết then cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết then. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết then... với kẻ biết then. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ...

Kẻ không biết then cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết then. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết then... với kẻ biết then. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ...

Kẻ không biết then cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết then. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

²⁰ Bản tiếng Anh của PTS: *The Four Based on 'The Unconscientiousness'*, nghĩa là Bốn trường hợp liên hệ kẻ không biết then.

Kẻ biết thẹn... với kẻ biết thẹn. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

X. KINH BẮT ĐẦU BẰNG KẺ KHÔNG BIẾT SỢ TỘI LỖI (*Anottappamūlakasutta*)²¹ (S. II. 163)

104. Trú ở Sāvatti...

– Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ít nghe... với kẻ ít nghe. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết sợ tội lỗi... với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết sợ tội lỗi... với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ biết sợ tội lỗi... với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ... với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

XI. KINH BẮT ĐẦU BẰNG KẺ ÍT NGHE (*Appassutamūlakasutta*)²² (S. II. 164)

105. Trú ở Sāvatti...

– Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ biếng nhác... với kẻ biếng nhác. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

²¹ Bản tiếng Anh của PTS: *The Three Based on 'The Indiscreet'*, nghĩa là Ba trường hợp liên hệ kẻ không biết sợ tội lỗi.

²² Bản tiếng Anh của PTS: *The Two by the Term 'The Uneducated'*, nghĩa là Hai trường hợp liên hệ kẻ ít nghe. Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.450. 0115c15).

Kẻ ít nghe cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ít nghe. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ nghe nhiều... với kẻ nghe nhiều. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...

XII. KINH BẮT ĐẦU BẰNG KẺ BIẾNG NHÁC

(*Kusītamūlakasutta*)²³ (S. II. 165)

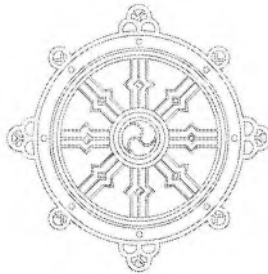
106. Trú ở Sāvatti...

– Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ biếng nhác cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biếng nhác. Kẻ thất niệm... với kẻ thất niệm. Kẻ ác tuệ... với kẻ ác tuệ.

Kẻ tinh cần... với kẻ tinh cần. Kẻ trì niệm... với kẻ trì niệm. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

... thời quá khứ... thời vị lai... thời hiện tại...



²³ Bản tiếng Anh của PTS: *The Lazy*, nghĩa là *Kẻ biếng nhác*.

III. PHẨM NGHIỆP ĐẠO (*KAMMAPATHAVAGGA*)

I. KINH KHÔNG TỊCH TỊNH (*Asamāhitasutta*) (S. II. 166)

107. Trú ở Sāvatthi...

– Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ không tịch tịnh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không tịch tịnh. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ tịch tịnh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tịch tịnh. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

II. KINH ÁC GIỚI (*Dussīlasutta*) (S. II. 166)

108. Trú ở Sāvatthi...

– Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ bất tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ bất tín. Kẻ không biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết thẹn. Kẻ không biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không biết sợ tội lỗi. Kẻ ác giới cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác giới. Kẻ ác tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác tuệ.

Kẻ có tín cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tín. Kẻ biết thẹn cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết thẹn. Kẻ biết sợ tội lỗi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ biết sợ tội lỗi. Kẻ trì giới cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ trì giới. Kẻ có trí tuệ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có trí tuệ.

III. KINH NĂM HỌC PHÁP (*Pañcasikkhāpadasutta*) (S. II. 167)

109. Trú ở Sāvatthi...

– Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo cùng hòa hợp,

cùng đi với kẻ nói láo. Kẻ đắm say rượu men rượu nẫu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ đắm say rượu men rượu nẫu.

Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không tà hạnh trong các dục. Kẻ không nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không nói láo. Kẻ không đắm say rượu men rượu nẫu cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ không đắm say rượu men rượu nẫu.

IV. KINH BẢY NGHIỆP ĐẠO (*Sattakammapathasutta*) (S. II. 167)

110. Trú ở Sāvatti...

– Đây các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm.

Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục. Kẻ từ bỏ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm.

V. KINH MƯỜI NGHIỆP ĐẠO (*Dasakammapathasutta*) (S. II. 167)

111. Trú ở Sāvatti...

– Đây các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ sát sanh. Kẻ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ lấy vật không cho. Kẻ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà hạnh trong các dục. Kẻ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói láo. Kẻ nói hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói hai lưỡi. Kẻ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ ác ngữ. Kẻ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ nói lời phù phiếm. Kẻ có tham tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tham tâm. Kẻ có sân tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có sân tâm. Kẻ có tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có tà kiến.

Kẻ từ bỏ sát sanh cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sát sanh. Kẻ từ bỏ lấy vật không cho cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ lấy vật không cho. Kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ tà hạnh trong các dục.

Kẻ từ bỏ nói láo cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói láo. Kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời hai lưỡi. Kẻ từ bỏ ác ngữ cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ ác ngữ. Kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ nói lời phù phiếm. Kẻ từ bỏ tham tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ tham tâm. Kẻ từ bỏ sân tâm cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ từ bỏ sân tâm. Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến.

VI. KINH TÁM CHI (*Aṭṭhaṅgikasutta*) (S. II. 168)

112. Trú ở Sāvatthi...

– Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà định.

Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh định.

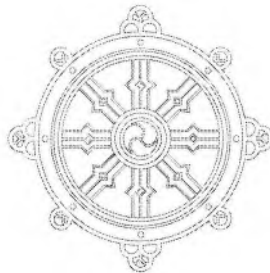
VII. KINH MƯỜI CHI (*Dasāṅgasutta*) (S. II. 168)

113. Trú ở Sāvatthi...

– Nay các Tỷ-kheo, tùy thuộc theo giới, các chúng sanh cùng hòa hợp, cùng đi với nhau.

Kẻ tà kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà kiến. Kẻ tà tư duy... Kẻ tà ngữ... Kẻ tà nghiệp... Kẻ tà mạng... Kẻ tà tinh tấn... Kẻ tà niệm... Kẻ tà trí... Kẻ tà giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ tà giải thoát.

Kẻ chánh kiến cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ chánh kiến. Kẻ chánh tư duy... Kẻ chánh ngữ... Kẻ chánh nghiệp... Kẻ chánh mạng... Kẻ chánh tinh tấn... Kẻ chánh niệm... Kẻ chánh định... Kẻ chánh trí... Kẻ chánh giải thoát cùng hòa hợp, cùng đi với kẻ có chánh giải thoát.



IV. PHẨM THỨ TƯ (CATUTTHAVAGGA)

I. KINH BỐN GIỚI (*Catudhātusutta*)²⁴ (S. II. 169)

114. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

– Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này.

Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Này các Tỷ-kheo, đây là bốn giới này.

II. KINH TRƯỚC KHI CHÚNG QUẢ CHÁNH ĐẲNG GIÁC (*Pubbesambodhasutta*)²⁵ (S. II. 169)

115. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa thành Chánh đẳng giác, khi Ta còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau:

“Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của địa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của thủy giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của hỏa giới? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly của phong giới?”

Này các Tỷ-kheo, Ta suy nghĩ như sau:

“Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên địa giới là vị ngọt của địa giới. Cái gì vô thường, khổ, biến hoại của địa giới là nguy hiểm của địa giới. Sự nhiếp phục dục và tham (*chandarāga*), sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của địa giới.”

“Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên thủy giới...”

“Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên hỏa giới...”

“Lạc gì, hỷ gì khởi lên do duyên phong giới là vị ngọt của phong giới. Cái gì vô thường, khổ, biến hoại của phong giới là nguy hiểm của phong giới. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của phong giới.”

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này Ta chưa như thật thắng tri (*abbhaññāsīm*), như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, Ta chưa chứng ngộ, chưa chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta như thật thắng

²⁴ Bản tiếng Anh của PTS: *The Four*, nghĩa là *Bốn*.

²⁵ Bản tiếng Anh của PTS: *Before*, nghĩa là *Trước*.

tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta đã chứng ngộ, đã chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

Tri và kiến đã khởi lên ở nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu, nay không còn tái sinh nữa.”

III. KINH TA ĐÃ ĐI (*Acarimsutta*) (S. II. 171)

116. Trú ở Sāvattihi...

– Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của địa giới. Ta đã tìm được vị ngọt của địa giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy.

Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của địa giới. Ta đã tìm được nguy hiểm của địa giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy.

Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm sự xuất ly của địa giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của địa giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy.

Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của thủy giới...

Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của hỏa giới...

Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm vị ngọt của phong giới. Ta đã tìm được vị ngọt của phong giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy vị ngọt ấy.

Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm nguy hiểm của phong giới. Ta đã tìm được sự nguy hiểm của phong giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy nguy hiểm ấy.

Nay các Tỷ-kheo, Ta đã đi tìm sự xuất ly của phong giới. Ta đã tìm được sự xuất ly của phong giới; với trí tuệ, Ta đã khéo thấy sự xuất ly ấy.

Nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta chưa như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta chưa chứng ngộ, chưa chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

Và nay các Tỷ-kheo, cho đến khi nào đối với bốn giới này, Ta đã như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, Ta đã chứng ngộ, đã chứng tri Vô thượng Chánh đẳng giác đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

Tri và kiến đã khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời sống này là tối hậu, nay không còn tái sinh nữa.”

IV. KINH NẾU KHÔNG CÓ CÁI NÀY (*Nocedamsutta*) (S. II. 172)

117. Trú ở Sāvattihi...

– Nay các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của địa giới, thời chúng sanh có thể không tham đắm địa giới. Và vì rằng, nay các Tỷ-kheo, có vị ngọt của địa giới, do vậy, chúng sanh tham đắm địa giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có nguy hiểm của địa giới, thời chúng sanh có thể không nhàm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có nguy hiểm của địa giới, do vậy, chúng sanh nhàm chán địa giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly địa giới, thời chúng sanh có thể không xuất ly địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly của địa giới, do vậy, chúng sanh xuất ly địa giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu không có vị ngọt của phong giới, thời chúng sanh có thể không tham đắm phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có vị ngọt của phong giới, do vậy, chúng sanh tham đắm phong giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu không có nguy hiểm của phong giới, thời chúng sanh có thể không nhàm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có nguy hiểm của phong giới, do vậy, chúng sanh nhàm chán phong giới.

Và này các Tỷ-kheo, nếu không có sự xuất ly của phong giới, thời chúng sanh có thể không xuất ly phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, có sự xuất ly phong giới, do vậy chúng sanh xuất ly phong giới.

Này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các chúng sanh đối với bốn giới này chưa như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, các chúng sanh này không sống với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

Và này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào các chúng sanh đối với bốn giới này đã như thật thắng tri, như vậy vị ngọt là vị ngọt, như vậy nguy hiểm là nguy hiểm, như vậy xuất ly là xuất ly; thời này các Tỷ-kheo, các chúng sanh này sống với tâm viễn ly, không tương quan, không liên hệ với những chướng ngại được từ bỏ đối với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng các chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người.

V. KINH KHỔ VÔ CÙNG (*Ekantadukkhasutta*)²⁶ (S. II. 173)

118. Trú ở Sāvatti...

– Này các Tỷ-kheo, nếu địa giới thuần khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; thời các chúng sanh có thể không tham đắm địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, địa giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; do vậy, chúng sanh tham đắm địa giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu phong giới thuần khổ, đầy những khổ, chìm đắm

²⁶ Bản tiếng Anh của PTS: *Pain*, nghĩa là *Khổ*.

trong khổ, không chìm đắm trong lạc; thời các chúng sanh có thể không tham đắm phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, phong giới là lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; do vậy, chúng sanh tham đắm phong giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu địa giới thuần lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; thời các chúng sanh có thể không nhàm chán địa giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, địa giới là khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; do vậy, chúng sanh nhàm chán địa giới.

Này các Tỷ-kheo, nếu thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, nếu phong giới thuần lạc, đầy những lạc, chìm đắm trong lạc, không chìm đắm trong khổ; thời các chúng sanh có thể không nhàm chán phong giới. Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, phong giới là khổ, đầy những khổ, chìm đắm trong khổ, không chìm đắm trong lạc; do vậy, chúng sanh nhàm chán phong giới.

VI. KINH HOAN HỖ (*Abhinandasutta*) (S. II. 174)

119. Trú ở Sāvatti...

– Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ địa giới, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ.

Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, ai hoan hỷ phong giới, người ấy hoan hỷ khổ. Ai hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy không giải thoát khỏi khổ.

Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ địa giới, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy giải thoát khỏi khổ.

Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ thủy giới...

Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, ai không hoan hỷ phong giới, người ấy không hoan hỷ khổ. Ai không hoan hỷ khổ, Ta nói rằng người ấy giải thoát khỏi khổ.

VII. KINH SANH KHỞI (*Uppādasutta*) (S. II. 175)

120. Trú ở Sāvatti...

– Này các Tỷ-kheo, sự sanh khởi, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của địa giới là sự sanh khởi của khổ, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.

Này các Tỷ-kheo... của thủy giới...

Này các Tỷ-kheo... của hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, sự sanh khởi, sự an trú, sự tái sanh, sự tái hiện hữu của phong giới là sự sanh khởi của khổ, sự an trú của tham, sự tái hiện hữu của già chết.

Này các Tỷ-kheo, sự đoạn diệt, sự tịnh chỉ, sự tiêu diệt của địa giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết.

Này các Tỷ-kheo... của thủy giới...

Này các Tỷ-kheo... của hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, sự đoạn diệt, sự tịnh chỉ, sự tiêu diệt của phong giới là sự đoạn diệt của khổ, sự tịnh chỉ của tham, sự tiêu diệt của già chết.

VIII. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN (*Samaṇabrāhmaṇasutta*) (S. II. 175)

121. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này không như thật quán tri (*pajānāti*) vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly; này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa những Bà-la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đối với bốn giới này như thật quán tri vị ngọt, nguy hiểm và sự xuất ly; này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa những Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

IX. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI (*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (S. II. 176)

122. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, có bốn giới này. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới.

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, không như thật quán tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly; này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy... mục đích của Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, đối với bốn giới này, như thật quán tri... mục đích của Bà-la-môn hạnh.

X. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ BA (*Tatīyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (S. II. 176)

123. Trú ở Sāvatthi...

– Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri địa

giới, không quán tri địa giới tập khởi, không quán tri địa giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt...

Này các Tỷ-kheo... không quán tri thủy giới...

Này các Tỷ-kheo... không quán tri hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào không quán tri phong giới, không quán tri phong giới tập khởi, không quán tri phong giới đoạn diệt, không quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt; này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa những vị Sa-môn, không được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa những vị Bà-la-môn, không được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, không thể tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri địa giới, quán tri địa giới tập khởi, quán tri địa giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến địa giới đoạn diệt... quán tri thủy giới... quán tri hỏa giới...

Này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào quán tri phong giới, quán tri phong giới tập khởi, quán tri phong giới đoạn diệt, quán tri con đường đưa đến phong giới đoạn diệt; này các Tỷ-kheo, đối với Ta, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy, giữa các vị Sa-môn, được chấp nhận là Sa-môn; hay giữa các vị Bà-la-môn, được chấp nhận là Bà-la-môn. Và những bậc Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích Sa-môn hạnh hay mục đích Bà-la-môn hạnh.

